TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68 /2018/QĐST–HNGĐ	*TP. Lào Cai, ngày 10 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình số thụ lý số 33/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung D;

Địa chỉ: Tổ 36, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thu L.

Địa chỉ: Tổ 16A, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tiến Kh và bà Lê Thị L.

Địa chỉ: Tổ 16A, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thu L. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Trung D và Ông Nguyễn Tiến Kh và bà Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thu L thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Nguyễn Trung D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 01/01/2009, chị Nguyễn Thu L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí M, sinh ngày 15/9/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thu L không bên nào yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

2.3 Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Kh và bà Lê Thị L

Anh Nguyễn Trung D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến Kh và bà Lê Thị L số tiền còn nợ là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo giấy nhận nợ ngày 11/01/2017.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự.

2.3 Về án phí: Anh Nguyễn Trung D chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng anh Nguyễn Trung D phải chịu 1.150.000 đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004932 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tiền án phí anh Nguyễn Trung D còn phải nộp là 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tiến Kh và bà Lê Thị L 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005035 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại được xử lý tại Quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện số 63/2018/QĐST – DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Chi cục THADS;
- UBND P. Cốc Lếu;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – Tập QĐ.

THẨM PHÁN

Hoàng Duy Chiến

4) .....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Bùi Thị Mai; sinh ngày 29/8/1983;

Địa chỉ: Đội 5, xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Anh Trần Trung Kiên; sinh ngày 31/3/1981.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;